

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đinh Văn C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình, có hành vi bạo lực đánh đập bà L rất nhiều lần. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình cũng như tổ dân phố hòa giải nhưng không có kết quả. Trước đây bà Lê Thị Thu L đã có nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, cho đến nay mối quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đinh Văn C.

Về con chung: Bà và ông Đinh Văn C có 03 con chung là: Đinh Văn T, sinh ngày 30/01/2002, Đinh Văn T1 sinh ngày 07/8/2005, Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 22/7/2007.

Hiện nay các con chung đang sống với ông Đinh Văn C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thu L có nhiều lần thay đổi yêu cầu về việc nuôi con chung. Tại phiên tòa, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung là Đinh Thị Huyền T và Đinh Văn T1, yêu cầu ông Đinh Văn C cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng, cả 02 con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Anh Đinh Văn T đã thành niên và phát triển bình thường nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông Đinh Văn C và bà Lê Thị Thu L kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hay mâu thuẫn vì nguyên nhân bà L có nợ riêng, nghi ngờ ghen tuông ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà L đã bỏ nhà đi mấy tháng, vợ chồng không còn sống chung với nhau, vì tức giận việc bà L bỏ đi nên ông có la mắng vợ, có xảy ra việc đánh nhau. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà L, ông xin đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà L có 03 con chung là: Đinh Văn T, sinh ngày 30/01/2002, Đinh Văn T1 sinh ngày 07/8/2005, Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 22/7/2007.

Trong trường hợp bà L kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý giao 02 con là Đinh Thị Huyền T và Đinh Văn T1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng, cả 02 con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Anh Đinh Văn T đã thành niên và phát triển bình thường nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung : Không có.

Về nợ chung: Không có.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu L đối với ông Đinh Văn C: Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thu L được ly hôn với ông Đinh Văn C; Về con chung: công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con giữa các đương sự; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Đinh Văn C cư trú tại tổ 06 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thu L và ông Đinh Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký

kết hôn tại cơ quan nhà nước thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Bà Lê Thị Thu L xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đinh Văn C không có trách nhiệm với gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, có hành vi đánh đập, bạo lực đối với bà rất nhiều lần. Ông Đinh Văn C thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Luận có nợ riêng, không tin tưởng ông về mặt tình cảm, ông thừa nhận có la mắng, có đánh bà Luận do tức giận việc bà bỏ nhà đi.

Theo xác minh tại địa phương, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức căng thẳng, ông Đinh Văn C chưa làm tròn trách nhiệm với gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần, chính quyền địa phương có chứng kiến, khuyên giải, bà L cũng nhiều lần báo với chính quyền địa phương việc bà bị chồng bạo hành. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà L kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông Đinh Văn C có nguyện vọng được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời kỳ hôn nhân ông Đinh Văn C đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Đinh Văn C có nguyện vọng muốn được đoàn tụ nhưng ông không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thu L phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận cho bà Lê Thị Thu L được ly hôn với ông Đinh Văn C.

[2.2]. Về con chung: Bà Lê Thị Thu L và ông Đinh Văn C thống nhất xác định có 03 chung, trong đó 02 con chung chưa thành niên và 01 con chung đã thành niên.

Tại phiên tòa bà Lê Thị Thu L yêu cầu được nuôi 02 con chung chưa thành niên là Đinh Thị Huyền T và Đinh Văn T1, yêu cầu ông Đinh Văn C cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (mỗi con là 2.000.000 đồng/01 tháng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi các con chung lần lượt thành niên. Ông Đinh Văn C cũng đồng ý việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của bà Lê Thị Thu L.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung của bà Lê Thị Thu L và ông Đinh Văn C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Con chung Đinh Văn T đã thành niên và phát triển bình thường, các đương sự không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Thu L và ông Đinh Văn C đều xác định không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị Thu L phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, ông Đinh Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” của bà Lê Thị Thu L đối với ông Đinh Văn C

1. Về hôn nhân:

Bà Lê Thị Thu L được ly hôn với ông Đinh Văn C.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là Đinh Văn T1, sinh ngày 07/8/2005 và Đinh Thị Huyền T, sinh ngày 22/7/2007 cho bà Lê Thị Thu L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt thành niên.

Ông Đinh Văn C cấp dưỡng nuôi con chung Đinh Thị Huyền T mỗi tháng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), cấp dưỡng nuôi con chung Đinh Văn T1 mỗi tháng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), tổng cộng cấp dưỡng nuôi cả 02 con

chung mỗi tháng số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5 năm 2020.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Bà Lê Thị Thu L phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân gia đình 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Thu L đã nộp theo biên lai thu số: 0008382 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3.2 Ông Đinh Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Bà Lê Thị Thu L, ông Đinh Văn C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường M;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng